

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐẮK HÀ
TỈNH KON TUM**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập-Tự do-Hạnh phúc**

Bản án số: 35/2017/HSST

Ngày 21/9/2017

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẮK HÀ-TỈNH KON TUM

Với Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm Phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Đoàn Thị Kim Anh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Hoàng Văn Hưng, nghề nghiệp: Cán bộ hưu trí.
2. Ông Nguyễn Văn Bằng, nghề nghiệp: Cán bộ, công chức.

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên Toà: Bà Nguyễn Thị Thương, Thư ký
Toà án nhân dân Huyện Đăk Hà, tỉnh Kon Tum.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đăk Hà tham gia phiên Toà:
Ông Võ Quang Ngọc, Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 9 năm 2017, tại Hội trường xét xử Toà án nhân dân huyện Đăk Hà, tỉnh Kon Tum mở phiên toà công kH xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 28/2017/HSST ngày 21 tháng 6 năm 2017, đối với bị cáo:

Nguyễn Văn Q; Tên gọi khác: B H, sinh năm 1983. Tại tỉnh H. Nơi ĐKHKTT và chỗ ở hiện nay: Đội 4, thôn C, xã T, huyện L, tỉnh H; Nghề nghiệp: Làm nông; Trình độ học vấn 9/12; Con ông Nguyễn H, sinh năm: 1929 và bà Cái Thị Ch, sinh năm: 1939; Bị cáo sống chung như vợ chồng với chị Hồ Thị Quỳnh Ph, sinh năm: 1986 và có một con tên Nguyễn Hồ Bảo Ng, sinh năm: 2012; Tiền án, tiền sự: Không. Bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 01/02/2017; đến nay đưa ra xét xử, có mặt tại phiên tòa.

- Nguyên đơn dân sự: Ban quản lý rừng Đặc dụng Đăk Uy; Trụ sở: Thôn 3, xã M, huyện H, tỉnh T.

Đại diện theo pháp luật: Ông Nay Y R- Chức vụ: Giám đốc Ban quản lý rừng Đặc dụng Đăk Uy kiêm Hạt trưởng Hạt kiểm lâm rừng Đặc dụng Đăk Uy.

Đại diện theo ủy quyền: Anh Phạm Đình Q, sinh năm 1986. Chức vụ: Công chức Kiểm lâm Hạt kiểm lâm rừng Đặc dụng Đăk Uy (Theo văn bản ủy quyền ngày 19/9/2017). Có mặt tại phiên tòa.

-Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Anh Nguyễn Văn L, sinh năm 1975. Địa chỉ: Thôn C, xã T, huyện L, tỉnh H. Có mặt tại phiên tòa.

NHẬN THẤY

Bị cáo bị Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Hà truy tố về hành vi phạm tội như sau:

Khoảng 21 giờ ngày 09/11/2014, Dương Hồng D (*sinh năm 1984; trú tại thôn Tam Hà, xã Cư Klông, huyện K, tỉnh L*) hát karaoke tại quán Cát Tường (*thuộc thôn 10, xã Đ, huyện H*) cùng Nguyễn Thành L (*sinh năm 1994; trú tại thôn 1, xã M, huyện H*) và một số người khác. Tại đây, D rủ L vào rừng đặc dụng Đắk Uy cưa gỗ trắc bán lấy tiền tiêu xài và nhờ L rủ thêm một số người nữa cùng tham gia thì được L đồng ý. Cả nhóm hát karaoke đến khoảng 22 giờ cùng ngày thì nghỉ, trên đường về L đã rủ Nguyễn Văn Q (*sinh năm 1992; trú tại thôn 11, xã Đ*), Phan Văn D (*tên thường gọi là Đ; sinh năm 1990*) và Nguyễn Văn Q (*tên thường gọi là B H; sinh năm 1983; cùng đăng ký HKTT tại xã T, huyện L, tỉnh H và cùng tạm trú tại thôn 11, xã Đ*) vào rừng đặc dụng Đắk Uy cưa gỗ trắc thì tất cả đồng ý. Lúc này, L điện thoại thông báo cho D biết đã có người đi làm gỗ và hẹn gặp nhau ở bìa rừng phía sau sân phơi H (*thuộc thôn 3, xã M, huyện H*); sau đó L điều khiển xe mô tô đến chở Q về nhà mình. Đến hơn 23 giờ cùng ngày, Q điều khiển xe mô tô (*nhãn hiệu Long Zin, màu nho, đã cũ không còn biển số*) tới phòng trọ chờ D đến nhà L rồi chở D, L, Q đến điểm hẹn sau đó đưa xe mô tô vào lô cà phê cất giấu. Tại đây, ngoài L, D, Q thì Q nhìn thấy có D và một số người mà Q không biết họ tên, địa chỉ (bao gồm A (*tên thường gọi là Ổm*), T, H, Q (*tên thường gọi là Q “Hà Tĩnh”*) và 2 thanh niên (*tất cả những người này hiện chưa xác định được nhân thân, lai lịch*)); khi đi D mang theo 01 đèn pin, A mang theo 01 con dao tự chế (*gần giống như mã tấu, bằng kim loại dài 84cm, mũi nhọn, lưỡi dao dài 44cm, phần rỗng nhất của lưỡi dài 6,5cm, phần cán dao có quấn dây cao su bên ngoài*), Q “Hà Tĩnh” kéo theo 01 xe cộ, ngoài ra còn có cưa tay và một số công cụ khác (*nhưng chưa xác định được ai mang theo*). Sau đó, tất cả mang theo công cụ đi vào rừng tìm gỗ trắc, D dùng con dao tự chế mà A mang theo phát gai, cỏ trên đường đi. Sau một hồi tìm kiếm, cả nhóm phát hiện thấy 01 cây gỗ trắc có đường kính gốc khoảng 40cm, cao khoảng 20m tại khoảnh 5, tiểu khu 342A lâm phần rừng đặc dụng Đắk Uy; D nói “*để bốn người ở lại, còn đâu tẩn ra cA*” thì L, Q, T, H, A và 2 thanh niên tản ra các hướng cách cây gỗ trắc khoảng 30 đến 40m canh giới còn D, Q (B H), Q (Hà Tĩnh) và D ở lại. Lúc này, Q (Hà Tĩnh) trèo lên ngọn cây gỗ trắc và sử dụng đoạn dây dù cột ngọn cây gỗ trắc vào cây gỗ tạp bên cạnh (*mục đích khi cưa đứt gốc, cây gỗ trắc sẽ không bị ngã đổ gây ra tiếng động*) rồi D, D, Q (Hà Tĩnh) thay nhau dùng cưa tay cưa cây gỗ trắc riêng Q (B H) được D giao nhiệm vụ cưa các cây gỗ nhỏ để làm đòn bẩy seo nạy khi cây gỗ trắc bị cưa đứt. Khoảng 30 phút sau, khi đang cưa thì nghe có

tiếng xe mô tô chạy đến nên tất cả rút ra phía sau lán bảo vệ bỏ hoang ở gần đó tròn, một lúc sau thấy tình hình đã ổn , D nói mọi người tiếp tục công việc , cửa thêm một lúc thì cây gỗ trắc đứt, D kéo xe cộ đến đặt vào gần gốc cây . Lúc này khoảng 02 giờ ngày 10/11/2014, khi đang cắt phân đoạn cây gỗ trắc thì bị lực lượng Kiểm lâm rừng đặc dụng Đắk Uy phát hiện , truy đuổi; cả nhóm bỏ chạy thoát, riêng D bị bắt giữ tại hiện trường cùng tang vật, phương tiện bị thu giữ gồm: 01 cửa tay tự chế bằng kim loại (dài 58cm, rộng 5cm, có cán gỗ vuông góc với lưỡi cửa dài 14cm); 01 con dao tự chế (bằng kim loại dài 84cm, mũi nhọn, lưỡi dao dài 44cm, phần rộng nhất của lưỡi dao dài 6,5cm, phần cán dao có quấn dây cao su bên ngoài); 01 điện thoại di động hiệu Nokia 1280; 01 đoạn dây dù (màu xA dài 4,12m, bán rộng 04cm); 01 xe cộ và 11 lóng gỗ trắc thuộc nhóm IIA, khối lượng 1,307m³. Toàn bộ số gỗ D và đồng phạm chặt hạ đều đã được thu hồi.

Tại biên bản khám nghiệm hiện trường ngày 10/11/2014 xác định cây gỗ trắc tươi nhóm IIA đã bị cửa hạ để lại hiện trường có đường kính mặt gốc rộng nhất là 40cm, nhỏ nhất là 38cm; khoảng cách từ mặt cắt đến mặt đất là 100cm, chu vi mặt cắt gốc là 138cm, thuộc khoảnh 5, tiểu khu 342A lâm phần rừng đặc dụng Đắk Uy huyện H, tỉnh T thuộc thôn 3, xã M, huyện H, tỉnh T. Cây gỗ trắc bị cửa hạ đang nằm trong tình trạng chống chày, trên thân cây có một vết cắt chưa đứt, chiều dài vết cắt là 60cm, khoảng cách từ vết cắt đến đầu chống chày là 03cm, phần ngọn cây trắc bị cửa hạ được cột níu với một ngọn cây gỗ tạp bằng dây dù màu xanh. Từ mép đường nhựa đến vị trí cây gỗ trắc là 12,8m, bên hông lán bảo vệ có một xe cộ, khoảng cách từ xe cộ đến mép đường nhựa là 18,6m. Khoảng cách từ phần thân cây trắc chống chày đến mặt cắt gốc là 23m, khoảng cách từ mặt cắt gốc đến cây gỗ tạp là 28m, khoảng cách từ mặt cắt gốc đến lán bảo vệ số 1 là 3,8m; từ gốc cây chống chày đến lán bảo vệ số 1 là 4,2m.

Ngày 16/12/2014, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Đắk Hà đã thu mẫu gỗ vật chứng, niêm phong và có Công văn đề nghị Sở NN &PTNN tỉnh Kon Tum xác định chủng loại gỗ và nhóm gỗ. Tại công văn số 20/CCKL-TTPC ngày 05/02/2015 của Chi cục Kiểm lâm tỉnh T xác định: Mẫu gỗ do Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Đắk Hà gửi đến là gỗ trắc, tên khoa học *Dalbergia conchinnhinenesis*, thuộc nhóm IIA (*Nhóm thực vật rừng hạn chế khai thác, sử dụng vì mục đích thương mại*).

Tại bản kết luận định giá tài sản số 21/KL-ĐGTS ngày 11/11/2014 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện Đắk Hà xác định giá trị tài sản thiệt hại do bị huỷ hoại rừng gồm mười một lóng gỗ trắc tươi nhóm IIA với tổng khối lượng 1,307m³, tổng giá trị tài sản bị thiệt hại là 160.096.000 đồng (*Một trăm sáu mươi triệu không trăm chín mươi sáu ngàn đồng*).

Sau khi sự việc phạm tội xảy ra, Phan Văn D, Nguyễn Thành L , Nguyễn Văn Q đã bị khởi tố điều tra, truy tố và xét xử vào ngày 25/9/2015. Riêng Dương

Hồng D, Nguyễn Văn Q và những người cùng tham gia khác bỏ trốn. Ngày 28/7/2016, Dương Hồng D bị Công an tỉnh Đắk Lắk bắt theo quyết định truy nã của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Đắk Hà đến ngày 24/3/2017 đã bị Tòa án nhân dân huyện Đắk Hà đưa ra xét xử. Sau một thời gian bỏ trốn, ngày 01/02/2017 Nguyễn Văn Q đã đến Công an huyện Phú Lộc, tỉnh Thừa Thiên Huế đầu thú.

Về vật chứng của vụ án gồm: Mười một lóng gỗ trắc tươi nhóm IIA có tổng khối lượng 1,307m³; Một cửa tay tự chế; Một dao tự chế; Một điện thoại di động hiệu Nokia 1280; Một đoạn dây dù và một xe cộ đã được xử lý tại phiên tòa ngày 25/9/2015. Riêng các công cụ, phương tiện mà Dương Hồng D đã sử dụng để thực hiện hành vi phạm tội gồm: Một xe mô tô (nhãn hiệu Dream, màu nho, không rõ biển số); Một điện thoại di động Nokia 1202; Một đèn pin; sau khi bỏ trốn D đã làm mất nhưng không rõ nơi mất nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Đắk Hà không thể tiến hành truy tìm, thu hồi để xử lý. Đối với xe mô tô (hiệu LongZin, màu nho, không rõ biển số) mà Nguyễn Văn Q đã sử dụng chở D, L, Q vào rừng cửa gỗ trắc vào ngày 10/11/2014; Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Đắk Hà đã tiến hành truy tìm nhưng không tìm thấy.

Trong quá trình tạm giam, bị cáo đã tự nguyện và tác động gia đình bồi thường khắc phục hậu quả do hành vi phạm tội gây ra với số tiền là 500.000 đồng (Năm trăm ngàn đồng).

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên thực hành quyền công tố vẫn giữ nguyên cáo trạng truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm c khoản 3 Điều 189; Điều 20; điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 47 Bộ luật hình sự năm 1999; Nghị quyết 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội; khoản 3 Điều 7, điểm i khoản 2 Điều 243 Bộ luật hình sự 2015 đã sửa đổi, bổ sung năm 2017. Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo Điều 48 Bộ luật hình sự thì bị cáo không phải chịu tình tiết nào và đề nghị xử phạt bị cáo từ 36 (Ba mươi sáu) đến 48 (Bốn mươi tám) tháng tù giam.

Tại phiên tòa Đại diện hợp pháp của nguyên đơn dân sự không yêu cầu bị cáo phải bồi thường thiệt hại về rừng cho Nhà nước.

Bị cáo Nguyễn Văn Q thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, nhất trí với nội dung bản luận tội của Đại diện Viện kiểm sát đã truy tố và không tranh luận gì. Bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo vì gia đình bị cáo có hoàn cảnh khó khăn.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa; Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác.

XÉT THẤY

Tại phiên tòa hôm nay, bị cáo Nguyễn Văn Q đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội: Do muốn kiếm tiền phục vụ cho mục đích cá nhân, nên vào khoảng 22 giờ ngày 09/11/2014 Nguyễn Thành L đã điện thoại rủ Nguyễn Văn Q vào rừng Đặc dụng Đắk Uy cưa gỗ trắc, lúc đầu Q không đồng ý đi và tắt điện thoại, nhưng L đến nơi ở của Q để tiếp tục rủ và thuyết phục Q đi cưa gỗ trắc thì Q đồng ý. Lúc này, L điện thoại thông báo cho D biết đã có người đi làm gỗ và hẹn gặp nhau ở bìa rừng. Sau đó L điều khiển xe mô tô đến chờ Q về nhà mình. Đến hơn 23 giờ cùng ngày, Q điều khiển xe mô tô tới phòng trọ chờ D đến nhà L rồi chờ D, L, Q đến điểm hẹn sau đó đưa xe mô tô vào lô ca phê cất giấu. Tại đây, ngoài L, D, Q thì Q nhìn thấy có D và một số người mà Q không biết họ tên, địa chỉ. Sau đó, tất cả mang theo công cụ đi vào rừng tìm gỗ trắc tươi để cưa hạ, sau một hồi tìm kiếm thì bị cáo và các đồng phạm phát hiện thấy 01 cây gỗ trắc tươi có đường kính gốc khoảng 40cm, cao khoảng 20m tại khoảnh 5, tiểu khu 342A lâm phần rừng đặc dụng Đắk Uy. Bị cáo thực hiện nhiệm vụ do D giao là cưa các cây gỗ nhỏ để làm đơn bẫy seo này khi cây gỗ trắc được cưa đứt, số người còn lại thay nhau cưa hạ một cây gỗ trắc tươi và khi đang cắt cây gỗ trắc thành từng đoạn ngắn để tiện cho việc vận chuyển ra ngoài đi tiêu thụ thì bị lực lượng Kiểm lâm thuộc Hạt kiểm rừng Đặc dụng Đắk Uy phát hiện, truy đuổi và tất cả bỏ chạy. Như vậy, bị cáo và đồng phạm đã có hành vi cưa hạ trái phép một cây gỗ trắc tươi có khối lượng $1,307m^3$, Tổng giá trị thiệt hại do hành vi hủy hoại rừng mà bị cáo và đồng phạm gây ra là 160.096.000 đồng (*Một trăm sáu mươi triệu không trăm chín mươi sáu ngàn đồng*).

Hội đồng xét xử xét thấy, hành vi của bị cáo và đồng phạm đã khai thác số lượng một cây gỗ trắc tươi, loại thực vật rừng Đặc dụng thuộc nhóm IIA, có khối lượng $1,307m^3$, trị giá 160.096.000 đồng là gây hậu quả đặc biệt nghiêm trọng. Theo Nghị định số: 32/2006/NĐ-CP ngày 30/3/2006 của Chính phủ, thì chỉ được khai thác loại cây (cây Trắc thuộc nhóm IIA) này trong các khu rừng đặc dụng vì mục đích nghiên cứu khoa học, quan hệ hợp tác quốc tế và việc khai thác không được làm ảnh hưởng tiêu cực đến việc bảo tồn loài đó và phải có phương án được Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn phê duyệt và theo Thông tư số: 19/2007/TTLN-BNV-BTP-BCA-VKSNDTC-TANDTC ngày 08/3/2007 của Bộ Nội vụ, Bộ Tư pháp, Bộ Công an, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Tòa án nhân dân tối cao, tại điểm C.1 điểm C tiểu mục 3.6 mục 3 phần IV quy định “Giá trị thực vật rừng nguy cấp, quý, hiếm bị chặt phá từ trên 60.000.000 đồng đối với nhóm IA hoặc từ trên 100.000.000 đồng đối với nhóm IIA là thuộc trường hợp gây hậu quả đặc biệt nghiêm trọng”. Đồng thời, khi cùng thực hiện hành vi khai thác trái phép cây gỗ trắc, bị cáo có đủ độ tuổi và năng lực trách nhiệm hình sự, thực hiện với lỗi cố ý. Do vậy, có đủ cơ sở để khẳng định bị cáo cùng các đồng phạm khác đồng phạm vào tội “*Hủy hoại rừng*” theo điểm c khoản 3 Điều 189 Bộ

luật hình sự. Tuy nhiên, theo Bộ luật hình sự năm 2015; Nghị quyết số: 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc Hội về việc thi hành của Bộ luật hình sự số 100/2015/QH13 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 12/2017/QH14 và về hiệu lực thi hành của Bộ luật tố tụng hình sự ngày số 101/2015/QH13... thì bị cáo được hưởng các tình tiết định khung hình phạt của tội “*Hủy hoại rừng*”, tức là bị cáo được áp dụng điểm i khoản 2 Điều 243 Bộ luật hình sự năm 2015 đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017 để quyết định hình phạt:

Điều 189 Bộ luật hình sự năm 1999 quy định (điểm c khoản 3 Điều 189 BLHS):

1. Người nào đốt, phá rừng trái phép rừng hoặc có hành vi khác hủy hoại rừng gây hậu quả nghiêm trọng hoặc đã bị xử phạt hành chính về hành vi này mà còn vi phạm, thì bị phạt tiền từ mười triệu đồng đến một trăm triệu đồng, cải tạo không giam giữ đến ba năm hoặc bị phạt tù từ sáu tháng đến năm năm.

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ ba năm đến mười năm:

a) ...;

3. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ bảy năm đến mười lăm năm:

a) Hủy hoại diện tích rừng đặc biệt lớn;

b) Hủy hoại rừng phòng hộ, rừng đặc dụng;

c) Gây hậu quả đặc biệt nghiêm trọng.

Điều 243 Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 quy định (điểm i khoản 2 Điều 243 BLHS):

1. Người nào đốt, phá rừng trái phép hoặc có hành vi khác hủy hoại rừng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 500.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc bị phạt tù từ 01 năm đến 05 năm:

a) ...;

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 03 năm đến 07 năm:

a) Có tổ chức;

b).....;

i) Thực vật thuộc loài nguy cấp, quý hiếm được ưu tiên bảo vệ, các loại thực vật khác thuộc Nhóm IA trị giá từ trên 60.000.000 đồng đến dưới 100.000.000 đồng; thực vật thuộc Nhóm IIA trị giá từ 100.000.000 đồng đến dưới 200.000.000 đồng.

Như vậy, tại thời điểm phạm tội bị cáo bị áp dụng điểm c khoản 3 Điều 189 Bộ luật hình sự năm 1999 thì mức hình phạt tù từ bảy năm đến mười lăm năm. Nhưng bị cáo được hưởng tình tiết có lợi cho người phạm tội theo Nghị quyết số: 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc Hội bị cáo được áp dụng khoản 3 Điều 7; điểm i khoản 2 Điều 243 Bộ luật hình sự năm 2015 đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017 thì mức hình phạt tù từ ba năm đến bảy năm.

Bị cáo là người có đầy đủ nhận thức và năng lực trách nhiệm hình sự, biết rõ chặt phá rừng trái phép là vi phạm pháp luật. Nhưng chỉ vì lợi nhuận trước mắt, mục đích là muốn kiếm tiền mà bị cáo đã bất chấp sự nghiêm cấm của pháp luật, cố ý thực hiện hành vi phạm tội, sau khi được Nguyễn Thành L. rủ rê thì bị cáo đã đồng ý. Khi thực hiện tội phạm, bị cáo là người trực tiếp cưa các cây gỗ nhỏ để làm đòn bẫy seo nạy hỗ trợ khi các đồng phạm cưa cây gỗ trắc bị đứt để mang ra ngoài bán kiếm tiền. Cho nên bị cáo phải chịu trách nhiệm chung về toàn bộ tội phạm và trách nhiệm độc lập về hành vi cùng thực hiện trong đồng phạm.

Hành vi phạm tội của bị cáo và đồng phạm là nguy hiểm cho xã hội, hành vi đó đã trực tiếp xâm phạm đến chế độ quản lý rừng của Nhà nước, xâm phạm nghiêm trọng đến môi trường sinh thái, gây ra những hậu quả khác cho đời sống xã hội, thiệt hại đến tài nguyên rừng quốc gia, ảnh hưởng xấu đến công tác quản lý và bảo vệ rừng trên địa bàn huyện H. Vì vậy, xét thấy cần có một mức án tương xứng với tính chất, mức độ của hành vi phạm tội mà bị cáo đã gây ra để giáo dục riêng và phòng ngừa chung.

Xét về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo quy định tại Điều 48 Bộ luật hình sự, thì bị cáo không phải chịu tình tiết nào.

Xét về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, thì trong quá trình điều tra, truy tố và xét xử tại phiên tòa, bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình, sau một thời gian bỏ trốn bị cáo đã tự nguyện đến Cơ quan Công an để đầu thú, khai rõ hành vi phạm tội. Trong quá trình tạm giam, bị cáo đã tự nguyện và tác động gia đình bồi thường khắc phục hậu quả với số tiền là 500.000 đồng (*Năm trăm ngàn đồng*), tài sản (gỗ trắc) đã được thu hồi toàn bộ. Hơn nữa, bị cáo có hoàn cảnh kinh tế gia đình khó khăn, cha, mẹ già yếu, con còn nhỏ, bị cáo là lao động chính. Đây là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mà bị cáo được hưởng quy định tại điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự.

Xét về nhân thân, trước khi phạm tội, bị cáo chưa có tiền án, tiền sự, gia đình có hoàn cảnh kinh tế khó khăn, làm nghề nông thiếu việc làm nên phải đi làm thuê, chỉ vì hám lợi trước mắt mà dẫn đến phạm tội. Sau khi cân nhắc tính chất và mức độ hành vi phạm tội của bị cáo, Hội đồng xét xử xét thấy cần thiết cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian, để bị cáo có thời gian cải tạo,

lao động và học tập trở thành người công dân có ích cho xã hội, biết chấp hành và tuân theo pháp luật.

Ngoài ra, trong vụ án này còn có Dương Hồng D là người có vai trò khởi xướng, rủ rê các đối tượng khác chuẩn bị công cụ, phương tiện đồng thời cũng là người thực hiện tội phạm một cách tích cực, tuy nhiên Dương Hồng D đã bị đưa ra xét xử vào ngày 24/3/2017. Còn Nguyễn Thanh L là người rủ rê Nguyễn Văn Q, cũng đã bị xét xử vào ngày 25/9/2015 cùng với Nguyễn Văn Q và Phan Văn D. Đối với các đối tượng có tên T, H, A “Ốm”, Q “Hà Tĩnh” và hai người nữa chưa xác định được họ, tên, Cơ quan cảnh sát Điều tra Công an huyện Đắk Hà đã điều tra nhưng hiện tại chưa xác định nhân thân, lai lịch, khi nào bắt được và xác định được nhân thân, lai lịch của các đối tượng trên sẽ xử lý theo quy định của pháp luật.

Về vật chứng: Mười một lóng gỗ trắc tươi nhóm IIA có khối lượng 1,307m³; Một cửa tay tự chế; Một dao tự chế; Một điện thoại di động hiệu Nokia 1280; Một đoạn dây dù và một xe cộ đã được xử lý tại bản án hình sự sơ thẩm số 25/2015/HSST ngày 25/9/2015 của Tòa án nhân dân huyện Đắk Hà, tỉnh Kon Tum, nên Hội đồng xét xử không đề cập đến.

Riêng các vật chứng mà Dương Hồng D đã sử dụng để thực hiện hành vi phạm tội gồm: Một xe mô tô (*nhãn hiệu Dream, màu nho, không rõ biển số*); Một điện thoại di động Nokia 1202; Một đèn pin; sau khi bỏ trốn D đã làm mất nhưng không rõ nơi mất nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện H không thể tiến hành truy tìm, thu hồi để xử lý. Đối với xe mô tô (*hiệu LongZin, màu nho, không rõ biển số*) mà Nguyễn Văn Q đã sử dụng chở D, L, Q vào rừng cửa gỗ trắc vào ngày 10/11/2014; Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Đắk Hà đã tiến hành truy tìm nhưng chưa có kết quả. Hội đồng xét xử xét thấy, khi nào xác định được sẽ xử lý sau theo đúng quy định của pháp luật.

Về trách nhiệm dân sự: Thiệt hại mà bị cáo và đồng phạm gây ra là cây gỗ trắc tươi có khối lượng 1,307m³, trị giá 160.096.000 đồng (*Một trăm sáu mươi triệu không trăm chín mươi sáu ngàn đồng*). Hội đồng xét xử xét thấy, toàn bộ số gỗ trắc đã được thu hồi và bán đấu giá, thiệt hại xảy ra chủ yếu là nguồn gen quý, hiếm của cây gỗ trắc và môi trường sinh thái không thể định giá được bằng tiền. Bị cáo đã tự nguyện tác động gia đình khắc phục hậu quả cho Nhà nước và đã nộp vào tài khoản của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đắk Hà số tiền là 500.000 đồng (*Năm trăm ngàn đồng*) theo biên lai số: AA/2010/0005518 ngày 20/9/2017.

Tại phiên tòa hôm nay, Đại diện hợp pháp của nguyên đơn dân sự không yêu cầu bị cáo phải bồi thường thiệt hại về rừng cho Nhà nước, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không yêu cầu bị cáo phải trả lại số tiền đã bồi thường, Hội

đồng xét xử xét nộp sung vào công quỹ Nhà nước số tiền 500.000 đồng (*Năm trăm ngàn đồng*) là phù hợp với quy định của pháp luật.

Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Bởi các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

-Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Văn Q (Tên gọi khác: B H), phạm tội “*Hủy hoại rừng*”.

- Áp dụng điểm c khoản 3 Điều 189; khoản 1, 2 Điều 20; Điều 33; điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 47 Bộ luật hình sự năm 1999; Nghị quyết 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc Hội; khoản 3 Điều 7; điểm i khoản 2 Điều 243 Bộ luật hình sự năm 2015 đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Văn Q (Tên gọi khác: B H) **36 (Ba mươi sáu)** tháng tù. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam (ngày 01/02/2017).

- Áp dụng Điều 584; Điều 585; Điều 586; Điều 589 Bộ luật dân sự năm 2015:

Sung công quỹ Nhà nước số tiền 500.000 đồng (*Năm trăm ngàn đồng*) mà bị cáo tác động gia đình bồi thường thiệt hại, khắc phục hậu quả về tài sản bị xâm phạm do gia đình bị cáo (A Nguyễn Văn L) nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện H, tỉnh T theo biên lai số: AA/2010/0005518 ngày 20/9/2017.

- Về án phí hình sự sơ thẩm:

Áp dụng Điều 99 Bộ luật tố tụng hình sự; khoản 1 Điều 6; khoản 1 Điều 21; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy Ban Thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáo Nguyễn Văn Q phải nộp tiền án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 đồng (*Hai trăm ngàn đồng*).

Áp dụng Điều 231; Điều 234 Bộ luật tố tụng hình sự.

Bị cáo, Nguyên đơn dân sự, Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 (Mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án (21/9/2017) lên Tòa án nhân dân tỉnh Kon Tum để yêu cầu xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành

án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKSND huyện;
- TANDCC tại Đà Nẵng;
- CA huyện;
- Chi cục THADS huyện;
- THAHS;
- Bị cáo;
- Nguyên đơn dân sự;
- Người có QL, NVLQ;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa

Đoàn Thị Kim Anh

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

